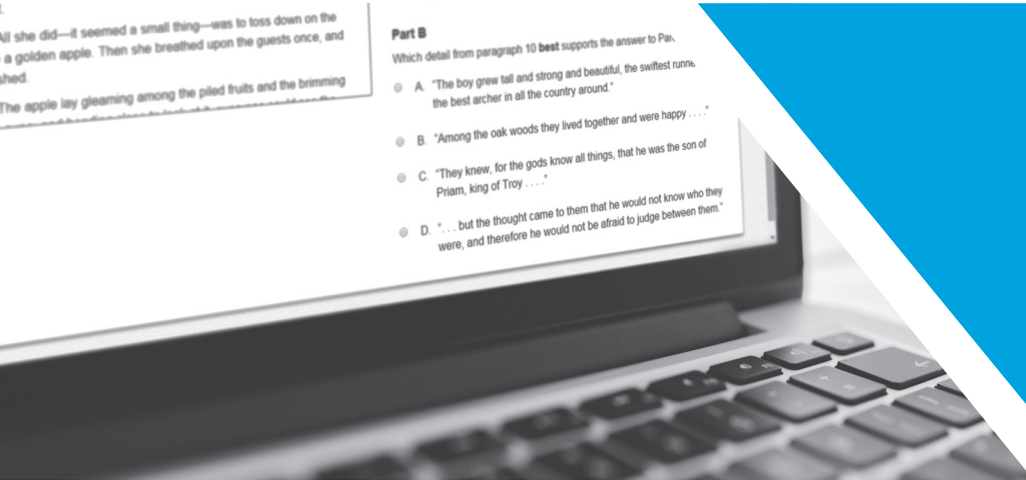
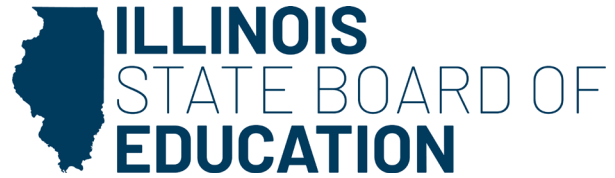


Mùa Xuân



**Bài kiểm tra Đánh giá Khả năng
Sẵn sàng Illinois
Hướng dẫn Diễn giải
Phiếu điểm**

Mục lục

1.0 Thông tin chung dành cho Phụ huynh và Giáo viên	1
1.1 Thông tin cơ bản.....	1
1.2 Đánh giá IAR	1
1.3 Bảo mật kết quả báo cáo.....	1
1.4 Mục đích của Hướng dẫn này.....	1
2.0 Tìm hiểu Báo cáo Thành tích Cá nhân Học sinh trong Bài kiểm tra Đánh giá Khả năng Sẵn sàng Illinois (IAR)	2
2.1 Các loại điểm số trong Báo cáo Thành tích Cá nhân Học sinh IAR.....	2
2.1.1 Thang điểm	2
2.1.2 Mức thành tích	2
2.1.3 Chỉ số thành tích yêu cầu phụ.....	2
2.2 ISR mẫu (Ngữ văn Anh/Đọc viết).....	3
2.3 ISR mẫu (Toán)	5
2.4 Mô tả Báo cáo Thành tích Cá nhân Học sinh	7
2.4.1 Thông tin chung.....	7
2.4.2 Điểm đánh giá chung	7
2.4.3 Thành tích theo Hạng mục yêu cầu phụ	9
2.4.4 Thành tích theo Hạng mục Báo cáo	9
Phụ lục A	11
Phạm vi Thang điểm	11

1.0 Thông tin chung dành cho Phụ huynh và Giáo viên

1.1 Thông tin cơ bản

Đánh giá Khả năng Sẵn sàng Illinois (IAR) đánh giá sự tiến bộ của học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 trong việc đáp ứng các Tiêu chuẩn Học tập Illinois trong môn ngữ văn Anh và toán.

1.2 Đánh giá IAR

Mục đích chính của IAR là cho phép học sinh thể hiện những gì các em biết và có thể làm trong môn toán và ngữ văn Anh; trợ giúp các giáo viên trong công tác hỗ trợ học tập của học sinh; sử dụng công nghệ trong đánh giá; nâng cao tinh thần trách nhiệm ở tất cả các cấp; và cung cấp một thước đo về khả năng sẵn sàng tham gia vào bậc đại học và nghề nghiệp của học sinh.

Bài kiểm tra Đánh giá Khả năng Sẵn sàng Illinois (IAR) Mùa Xuân được thực hiện theo thể thức trên máy tính hoặc trên giấy. Bài kiểm tra đánh giá môn ngữ văn Anh/đọc viết (ELA/L) chú trọng vào cách viết hiệu quả khi phân tích nội dung. Bài kiểm tra đánh giá môn toán chú trọng áp dụng kỹ năng và khái niệm, hiểu được các vấn đề nhiều bước đòi hỏi khả năng suy luận trừu tượng, và lập mô hình các vấn đề thực tế với độ chính xác, sự kiên trì và sử dụng công cụ một cách có chiến lược. Trong cả hai lĩnh vực nội dung, học sinh cũng thể hiện kỹ năng và kiến thức thu được bằng cách trả lời các mục chọn câu trả lời và các mục điền vào chỗ trống.

1.3 Bảo mật kết quả báo cáo

Kết quả thành tích cá nhân học sinh trong bài kiểm tra đánh giá IAR được bảo mật và chỉ được phép công bố theo Đạo luật Quyền Giáo dục Gia đình và Quyền riêng tư năm 1974 (20 Bộ luật Hoa Kỳ, Phần 1232g). Dữ liệu tổng hợp về thành tích học sinh được công bố công khai và không nêu tên của từng học sinh hay giáo viên cụ thể.

1.4 Mục đích của Hướng dẫn này

Hướng dẫn này cung cấp thông tin về báo cáo cá nhân học sinh, học bạ và báo cáo của học khu có ghi kết quả đánh giá IAR. Phần 2.0, với nội dung nêu rõ và giải thích các yếu tố của báo cáo cá nhân học sinh, có thể được thông báo với phụ huynh. Phần này sẽ giúp phụ huynh hiểu rõ kết quả kiểm tra của con em. Phần 3.0 nêu rõ và giải thích các yếu tố của báo cáo trường và báo cáo của học khu. Các chính sách và kết quả để báo cáo giải trình của từng tiểu bang có thể khác với các chính sách và kết quả sử dụng cho báo cáo đánh giá.

Báo cáo mẫu trong hướng dẫn này chỉ nhằm mục đích minh họa. Chúng được cung cấp nhằm thể hiện bố cục cơ bản của báo cáo và các thông tin mà báo cáo cung cấp. Báo cáo mẫu không bao gồm dữ liệu thực tế từ bất cứ quy trình kiểm tra nào.

2.0 Tìm hiểu Báo cáo Thành tích Cá nhân Học sinh trong Bài kiểm tra Đánh giá Khả năng Sẵn sàng Illinois (IAR)

2.1 Các loại điểm số trong Báo cáo Thành tích Cá nhân Học sinh IAR

Thành tích của học sinh trong bài kiểm tra đánh giá IAR được mô tả trong báo cáo thành tích cá nhân học sinh sử dụng thang điểm, mức thành tích và các chỉ số thành tích yêu cầu phụ. Kết quả trung bình tiểu bang được bao gồm trong các phần liên quan của báo cáo nhằm giúp phụ huynh hiểu rõ thành tích của con em mình so với thành tích của các học sinh khác.

2.1.1 Thang điểm

Thang điểm là giá trị số tóm tắt thành tích của học sinh. Không phải tất cả học sinh đều trả lời cùng một bộ đề kiểm tra như nhau nên điểm số sơ bộ của mỗi học sinh (điểm thực tế thu được qua các bài kiểm tra) sẽ được điều chỉnh để hơi khác về độ khó giữa các biểu mẫu và các bài kiểm tra khác nhau. Thang điểm kết quả cho phép so sánh chính xác giữa các biểu mẫu kiểm tra và nhiều năm tổ chức trong một lớp hoặc một khóa học và lĩnh vực nội dung. Báo cáo IAR cung cấp thang điểm chung cho môn ngữ văn Anh/đọc viết và toán, qua đó xác định mức thành tích của học sinh. Thang điểm IAR dao động từ 650 đến 850 điểm cho tất cả các bài kiểm tra. Ngoài ra, báo cáo IAR cho môn ngữ văn Anh/đọc viết còn cung cấp thang điểm riêng cho cả hai môn Đọc và Viết. Thang điểm Đọc IAR dao động từ 10 đến 90 điểm và thang điểm Viết IAR dao động từ 10 đến 60 điểm.

Ví dụ, một học sinh đạt được thang điểm chung là 800 trên một mẫu đánh giá môn toán lớp 8 toán dự kiến sẽ đạt thang điểm chung là 800 trên bất kỳ mẫu đánh giá môn toán lớp 8 toán nào khác. Ngoài ra, thang điểm chung và mức độ lĩnh hội các khái niệm và kỹ năng của học sinh sẽ được so sánh với một học sinh khác làm cùng một bài đánh giá vào năm trước hoặc năm sau đó.

2.1.2 Mức thành tích

Mỗi mức thành tích là một mức độ phân loại rộng được xác định bằng thang điểm chung của học sinh và được dùng để báo cáo thành tích chung của học sinh bằng cách mô tả mức độ mà học sinh đáp ứng mong đợi cho cấp lớp/khóa học của các em. Mỗi mức thành tích được xác định bằng nhiều thang điểm chung cho bài kiểm tra đánh giá. Có bốn mức thành tích cho Đánh giá Khả năng Sẵn sàng Illinois:

- Mức 4: Vượt chuẩn
- Mức 3: Đạt chuẩn
- Mức 2: Gần đạt chuẩn
- Mức 1: Dưới chuẩn

Học sinh đạt mức 3 và mức 4 được xem là đạt chuẩn hoặc vượt chuẩn, cho thấy sự sẵn sàng theo để học lớp/khóa tiếp theo và cuối cùng là chuyển vào đại học và theo đuổi nghề nghiệp. Có thể tham khảo thông tin bổ sung liên quan đến mức thành tích kiểm tra trong Phụ lục A.

Chỉ số mức thành tích (PLD) mô tả kiến thức, kỹ năng và các thông lệ thực hành mà học sinh nên biết cũng như có khả năng thể hiện ở mỗi mức thành tích trong mỗi lĩnh vực nội dung (ngữ văn Anh/đọc viết và toán) và ở mỗi cấp lớp/khóa học. Xem các PLD tại <https://il.mypearsonsupport.com/reporting/>.

2.1.3 Chỉ số thành tích yêu cầu phụ

Chỉ số thành tích yêu cầu phụ cho bài kiểm tra đánh giá IAR được báo cáo bằng biểu đồ hình ảnh cho biết học sinh đó đã đạt thành tích ra sao so với thành tích chung của các học sinh đã đạt chuẩn hoặc gần đạt chuẩn đối với lĩnh vực nội dung đó.

Thành tích yêu cầu phụ được báo cáo bằng các hạng mục khác ngoài thang điểm hoặc mức thành tích.

- Sẵn sàng mức cao - biểu thị bằng chữ H H
- Sẵn sàng mức trung bình - biểu thị bằng chữ M M
- Sẵn sàng ở mức thấp - biểu thị bằng chữ L L

2.2 ISR mẫu (Ngữ văn Anh/Độc viết)



A

TÊN TÊN HỌ
 Ngày Sinh: 04/05/2014 ID: 402145182 **Lớp: 3**
 MẪU TÊN HỌC KHU
 TÊN TRƯỞNG MẪU
 ILLINOIS

B

NGỮ VĂN ANH (ELA) LỚP 3

MÙA XUÂN 2025

Báo cáo Đánh giá Môn Ngữ văn Anh/Độc Viết, 2024-2025

Bộ Tiêu chuẩn Học tập Illinois mô tả những kỹ năng, nội dung kiến thức và năng lực tư duy phân biệt mà học sinh cần ở mỗi cấp lớp để đi đúng hướng để xây dựng khả năng sẵn sàng vào đại học và phục vụ nghề nghiệp vào cuối cấp trung học. Bài đánh giá Khả năng Sẵn sàng của Illinois (IAR) ước lượng mức độ thành công mà TÊN01 đang có trong việc đáp ứng các Tiêu chuẩn Học tập Illinois.

3

C

Để xem video cá nhân hóa về kết quả của TÊN01 và tìm hiểu thêm về đánh giá, hãy sử dụng mã QR hiển thị ở bên phải, hoặc truy cập <https://familyportal.pearson.com/il>.



D

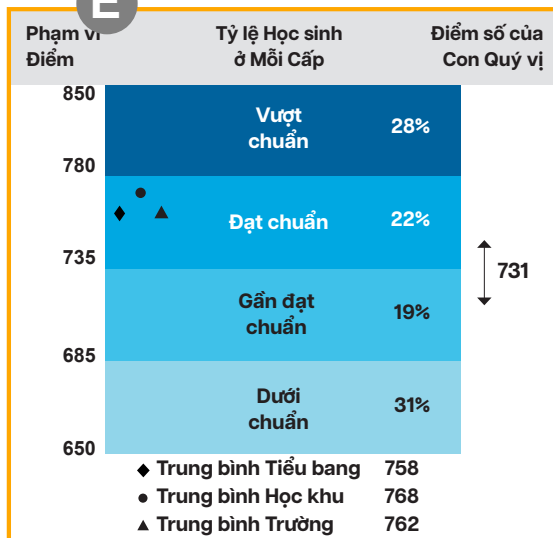
Tôi Có thể Sử dụng Báo cáo này Như thế nào?

Hội đồng Giáo dục Tiểu bang đã chia điểm số IAR thành các mức độ thành thạo để mô tả tình hình học tập hiện tại.

Hãy hỏi giáo viên của quý vị:

- Để biết ví dụ về các kỹ năng và khả năng tư duy phê phán đặc trưng cho các mức độ thành thạo khác nhau trong môn ngữ văn/độc viết lớp 3 hoặc truy cập <https://il.mypearsonsupport.com/reporting> để biết thêm thông tin.
- Báo cáo này nói gì về những điểm mạnh và thách thức hiện tại của con quý vị.
- Họ sẽ làm gì trong năm nay và có thể làm gì ở nhà để giúp con quý vị tiến bộ?

E



F

Điểm số của Con Quý vị

TÊN01 đã đạt được điểm số lớp 3 là **731** trong kỳ đánh giá IAR 2025. Điểm số này đánh giá mức độ kỹ năng và kiến thức học tập hiện tại cũng như năng lực hiện tại để áp dụng kỹ năng và kiến thức học tập đó vào các nhiệm vụ học tập mới. Điểm số cao hơn thường phản ánh phạm vi kiến thức về nghệ thuật ngôn ngữ/đọc viết tốt hơn và khả năng áp dụng kiến thức đó vào các nhiệm vụ và vấn đề học thuật phức tạp hơn.

Điều quan trọng cần nhớ là điểm số IAR của con quý vị là đánh giá **ước lượng** về tình hình học tập hiện tại của các em. Điểm số của con quý vị có thể cao hơn hoặc thấp hơn đến **15.0**. Đây là mức thay đổi hoàn toàn có thể có trong điểm số của con quý vị nếu em tham gia kiểm tra nhiều lần. Những khác biệt nhỏ về điểm số thi không cần giải thích quá nhiều.

Điều quan trọng cần nhớ là thành tích học tập trong quá khứ không quyết định sự tiến bộ và thành công về học tập trong tương lai. Giáo dục chất lượng cao và nỗ lực cùng sự quyết tâm của học sinh là những yếu tố giúp định hình thành tích học tập trong tương lai.

G

Biện pháp Lexile dự đoán: **230L** và Phạm vi: **130L - 280L**

Khung đọc hiểu Lexile® có thể được sử dụng để chọn văn bản phù hợp với trình độ đọc của con quý vị. Để tìm hiểu thêm và truy cập các tài liệu hỗ trợ sự phát triển kỹ năng đọc của học sinh, hãy truy cập Hướng dẫn Dành cho Phụ huynh về Lexile. <https://hub.lexile.com/lexile-measures-parent-guide/>.

H Tỷ lệ tiến bộ của học sinh

Không có đủ thông tin về con quý vị hoặc các bạn học của em để tính Tỷ lệ tiến bộ của học sinh trong năm học này. Năm đầu tiên một học sinh thi ở Illinois là năm cơ bản của học sinh đó.

TÌM HIỂU KỸ HƠN KHẢ NĂNG SẴN SÀNG TRONG NĂM LĨNH VỰC ĐỌC VÀ VIẾT

Để luôn sẵn sàng cho đại học và nghề nghiệp, học sinh cần học nhiều kỹ năng, nội dung kiến thức và khả năng **I** duy phân biện ở mọi cấp lớp. Thông thường, những yếu tố này phát triển ở các mức độ khác nhau do có những khác biệt về ưu tiên chương trình giảng dạy của từng giáo viên và trường học, những khác biệt về mối quan tâm và kinh nghiệm ngoài trường học của học sinh, cùng nhiều yếu tố khác.

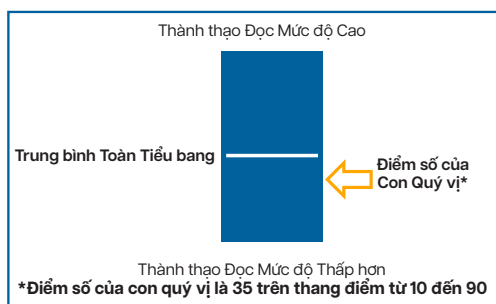
IAR mô tả khả năng sẵn sàng trong năm lĩnh vực đọc và viết bằng cách đặt thành tích học tập của con quý vị ở mức **H-Cao hơn, M-Trung Bình, hoặc L-Thấp hơn** của thang điểm cho mỗi lĩnh vực. Biết thành tích học tập của con quý vị trong các lĩnh vực nội dung quan trọng giúp quý vị có cuộc trò chuyện hiệu quả hơn với các giáo viên dạy con của quý vị nhằm hỗ trợ sự tiến bộ học tập trong tương lai.

- J H** Đối với việc đánh giá khả năng sẵn sàng ở mức độ **Cao hơn**, hãy hỏi (các) giáo viên của quý vị về cách có thể dùng để thử thách con quý vị nhằm phát triển những thế mạnh sâu hơn cả ở trường và ở nhà.
- M** Đối với việc đánh giá khả năng sẵn sàng ở mức độ **Trung Bình**, hãy hỏi (các) giáo viên của quý vị về cách mà con quý vị có thể được giúp đỡ để tiến bộ vượt mức trong lĩnh vực này thông qua công việc ở trường và các hoạt động tại nhà.
- L** Đối với việc đánh giá khả năng sẵn sàng ở mức độ **Thấp hơn**, hãy hỏi giáo viên của quý vị về những hình thức hỗ trợ bổ sung mà con quý vị cần ở trường để đáp ứng những kỳ vọng của cấp lớp và những nguồn lực nào có sẵn để giúp quý vị hỗ trợ con mình ở nhà.

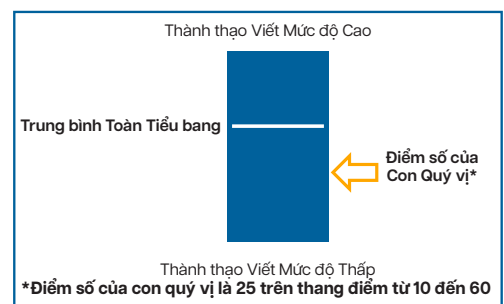
Học sinh sẵn sàng trong năm lĩnh vực này là học sinh đáp ứng yêu cầu:

- K M NGỮ VĂN**
Đọc và phân tích tiểu thuyết, kịch và thơ
- H VẤN BÀN THÔNG TIN**
Đọc và phân tích các tác phẩm phi hư cấu, lịch sử, khoa học và nghệ thuật
- M VỐN TỪ**
Sử dụng kinh nghiệm, ngữ cảnh và phân tích để xác định nghĩa của từ
- H DIỄN ĐẠT BẰNG VĂN VIẾT**
Soạn bài viết phát triển tốt từ những gì học sinh đã đọc
- M BIẾT VÀ SỬ DỤNG CÁC QUY ƯỚC NGÔN NGỮ**
Sáng tác bài viết bằng cách sử dụng các quy tắc tiếng Anh chuẩn

ĐỌC TỔNG THỂ



VIẾT TỔNG THỂ



Tìm hiểu Báo cáo
Thành tích Cá nhân
Học sinh IAR (ISR)

2.3 ISR mẫu (Toán)



ILLINOIS
Assessment of Readiness

A

TÊN TÊN HỌ
Ngày Sinh: 04/11/2012 ID: 230Q24383 **Lớp: 3**
MẪU TÊN HỌC KHU
TÊN TRƯỜNG MẪU
ILLINOIS

TOÁN LỚP 3

MÙA XUÂN 2025

B

Báo cáo Đánh giá môn Toán, Năm học 2024-2025

Bộ Tiêu chuẩn Học tập Illinois mô tả những kỹ năng, nội dung kiến thức và năng lực tư duy phân biện mà học sinh cần ở mỗi cấp lớp để đi đúng hướng để xây dựng khả năng sẵn sàng vào đại học và phục vụ nghề nghiệp vào cuối cấp trung học. Bài đánh giá Khả năng Sẵn sàng của Illinois (IAR) ước lượng mức độ thành công mà TÊN07 đang có trong việc đáp ứng các Tiêu chuẩn Học tập Illinois.

3

C

Để xem video cá nhân hóa về kết quả của TÊN07 và tìm hiểu thêm về đánh giá, hãy sử dụng mã QR hiển thị ở bên phải, hoặc truy cập <https://familyportal.pearson.com/il>



D

Có thể Sử dụng Báo cáo này Như thế nào?

Hội đồng Giáo dục Tiểu bang đã chia điểm số IAR thành các mức độ thành thạo để mô tả tình hình học tập hiện tại.

Hãy hỏi giáo viên của quý vị:

- Để biết ví dụ về các kỹ năng và khả năng tư duy phê phán đặc trưng cho các mức độ thành thạo khác nhau trong môn ngữ văn/đọc viết lớp 3 toán học hoặc truy cập <https://il.mypearsonsupport.com/reporting> để biết thêm thông tin.
- Báo cáo này nói gì về những điểm mạnh và thách thức hiện tại của con quý vị.
- Họ sẽ làm gì trong năm nay và có thể làm gì ở nhà để giúp con quý vị tiến bộ?

E

Phạm vi Điểm	Tỷ lệ Học sinh ở Mỗi Cấp	Điểm số của Con Quý vị
850	Vượt chuẩn 18%	779
781	Đạt chuẩn 24%	
732	Gần đạt chuẩn 24%	
705	Dưới chuẩn 34%	
650		
<ul style="list-style-type: none"> ◆ Trung bình Tiểu bang 770 ● Trung bình Học khu 758 ▲ Trung bình Trường 750 		

F

Điểm số của Con Quý vị

TÊN07 đã đạt được điểm số lớp 3 là **779** trong kỳ đánh giá IAR 2025. Điểm số này đánh giá mức độ kỹ năng và kiến thức học tập hiện tại cũng như năng lực hiện tại để áp dụng kỹ năng và kiến thức học tập đó vào các nhiệm vụ học tập mới. Điểm số cao hơn thường phản ánh phạm vi kiến thức về toán học tốt hơn và khả năng áp dụng kiến thức đó vào các nhiệm vụ và vấn đề học thuật phức tạp hơn.

Điều quan trọng cần nhớ là điểm số IAR của con quý vị là đánh giá **ước lượng** về tình hình học tập hiện tại của các em. Điểm số của con quý vị có thể cao hơn hoặc thấp hơn đến **7.5**. Đây là mức thay đổi hoàn toàn có thể có trong điểm số của con quý vị nếu em tham gia kiểm tra nhiều lần. Những khác biệt nhỏ về điểm số thì không cần giải thích quá nhiều.

Điều quan trọng cần nhớ là thành tích học tập trong quá khứ không quyết định sự tiến bộ và thành công về học tập trong tương lai. Giáo dục chất lượng cao và nỗ lực cùng sự quyết tâm của học sinh là những yếu tố giúp định hình thành tích học tập trong tương lai.

G

Predicted Quantile measure: **990Q** và Phạm vi: **940Q - 1040Q**

Khung Toán học *Quantile*® có thể được sử dụng để tìm các tài liệu giảng dạy toán dựa trên năng lực toán học của học sinh. Để tìm hiểu thêm và truy cập các tài liệu hỗ trợ sự phát triển kỹ năng toán học của học sinh, hãy truy cập Hướng dẫn Dành cho Phụ Huynh về Quantile. <https://hub.lexile.com/quantile-measures-parent-guide/>.

H

Tỷ lệ tiến bộ của học sinh

Không có đủ thông tin về con quý vị hoặc các bạn học của em để tính Tỷ lệ tiến bộ của học sinh trong năm học này. Năm đầu tiên một học sinh thi ở Illinois là năm cơ bản của học sinh đó.

TÌM HIỂU KỸ HƠN KHẢ NĂNG SẴN SÀNG TRONG BỐN LĨNH VỰC TOÁN HỌC

Để luôn sẵn sàng cho đại học và nghề nghiệp, học sinh cần học nhiều kỹ năng, nội dung kiến thức và khả năng tư duy phản biện ở mọi cấp lớp. Thông thường, những yếu tố này phát triển ở các mức độ khác nhau do có những khác biệt về ưu tiên chương trình giảng dạy của từng giáo viên và trường học, những khác biệt về mối quan tâm và kinh nghiệm ngoài trường học của học sinh, cùng nhiều yếu tố khác.

IAR mô tả khả năng sẵn sàng trong bốn lĩnh vực đọc và viết bằng cách đặt thành tích học tập của con quý vị ở mức **H-Cao hơn, M-Trung bình, hoặc L-Thấp hơn** của thang điểm cho mỗi lĩnh vực. Biết thành tích học tập của con quý vị trong các lĩnh vực nội dung quan trọng giúp quý vị có cuộc trò chuyện hiệu quả hơn với các giáo viên dạy con của con quý vị nhằm hỗ trợ sự tiến bộ học tập trong tương lai.

J

H

Đối với việc đánh giá khả năng sẵn sàng ở mức độ **Cao hơn**, hãy hỏi (các) giáo viên của quý vị về cách có thể dùng để thử thách con quý vị nhằm phát triển những thể mạnh sâu hơn cả ở trường và ở nhà.

M

Đối với việc đánh giá khả năng sẵn sàng ở mức độ **Trung Bình**, hãy hỏi (các) giáo viên của quý vị về cách mà con quý vị có thể được giúp đỡ để tiến bộ vượt mức trong lĩnh vực này thông qua công việc ở trường và các hoạt động tại nhà.

L

Đối với việc đánh giá khả năng sẵn sàng ở mức độ **Thấp hơn**, hãy hỏi giáo viên của quý vị về những hình thức hỗ trợ bổ sung mà con quý vị cần ở trường để đáp ứng những kỳ vọng của cấp lớp và những nguồn lực nào có sẵn để giúp quý vị hỗ trợ con mình ở nhà.

Học sinh sẵn sàng trong bốn lĩnh vực này là học sinh thực hiện thành công những điều sau:

K

M

NỘI DUNG CHÍNH

Giải các bài toán liên quan đến phép nhân và chia, diện tích, phép đo và tìm hiểu phân số cơ bản

M

THỂ HIỆN KHẢ NĂNG SUY LUẬN TOÁN HỌC

Lập và chứng minh các phương pháp giải toán logic, đồng thời phân tích và hiệu chỉnh suy luận của người khác

M

NỘI DUNG BỔ SUNG & HỖ TRỢ

Giải các bài toán liên quan đến chu vi, giá trị hằng số, hình học và trình bày dữ liệu

M

LẬP MÔ HÌNH & ÁP DỤNG

Giải các bài toán thực tế, trình bày và giải các bài toán bằng biểu tượng, suy luận định lượng và có chiến lược bằng cách sử dụng các công cụ thích hợp

2.4 Mô tả Báo cáo Thành tích Cá nhân Học sinh

2.4.1 Thông tin chung

A. Thông tin nhận dạng

Báo cáo Thành tích Cá nhân của Học sinh liệt kê tên, ngày sinh, số báo danh học sinh ở tiểu bang, cấp lớp khi đánh giá, tên học khu, tên trường và tiểu bang của học sinh. Cấp lớp khi đánh giá cũng được hiển thị trong ô ở bên trái báo cáo.

B. Mô tả Báo cáo

Phần mô tả của báo cáo cung cấp lĩnh vực nội dung (ngữ văn Anh/đọc viết hoặc toán) được đánh giá, cấp lớp/khóa học được đánh giá và năm đánh giá. Đây cũng là phần cung cấp thông tin tổng quan chung về việc đánh giá và phiếu điểm.

C. Cổng thông tin dành cho Gia đình

Bản Báo cáo Thành tích Cá nhân Học sinh bao gồm thông tin để phụ huynh truy cập vào báo cáo của học sinh và các video giải thích báo cáo qua Cổng thông tin dành cho Gia đình IL. Cổng thông tin dành cho Gia đình có thể được truy cập tại <https://familyportal.pearson.com/il>.

D. Cách dùng báo cáo

Phần này cung cấp hướng dẫn giúp phụ huynh có thể sử dụng báo cáo để bắt đầu thảo luận với (các) giáo viên của con em mình. Phụ huynh và các giáo viên cần thường xuyên trao đổi cập nhật tiến độ nhằm đảm bảo học sinh đang được học các kỹ năng cần thiết để luôn tiến bộ. Thông tin này cũng có thể giúp xác định điểm mạnh và thách thức của đứa trẻ để phụ huynh và giáo viên có thể cùng hợp tác hỗ trợ tiến bộ học tập của học sinh.

2.4.2 Điểm đánh giá chung

E. Biểu đồ hình ảnh về thành tích chung: Thang điểm chung và mức thành tích

Biểu đồ hình ảnh này cung cấp hình ảnh minh họa về các mức thành tích và vị trí thang điểm chung của học sinh trong thang điểm thành tích. Điểm số của học sinh được biểu thị bằng tam giác đen nằm dọc theo phạm vi thang điểm chung xác định mỗi mức thành tích. Các phạm vi thang điểm chung được biểu thị bên dưới biểu đồ hình ảnh. Thang điểm cần đạt để đạt mỗi Mức thành tích sẽ khác nhau đối với cả môn Ngữ văn Anh/đọc viết và môn toán. Tham khảo **Phụ lục A** để biết danh sách đầy đủ về các phạm vi thang điểm cho mỗi mức thành tích. Trong mục này còn có điểm trung bình theo thang tổng thể cho tiểu bang và tỷ lệ phần trăm mức độ thành tích trong tiểu bang.

F. Điểm số của Con Quý vị

Phần này của báo cáo cung cấp thông tin liên quan đến thang điểm chung của con quý vị cũng như ước tính những thay đổi dự kiến so với điểm số đó nếu em làm bài kiểm tra nhiều lần.

G. Thước đo Lexile và Phân vị

Thước đo Lexile đại diện cho cả khả năng đọc của học sinh và mức độ khó của bài đọc, ví dụ như một cuốn sách hay bài tạp chí. Khi được sử dụng cùng nhau, các thước đo Lexile về người đọc và bài đọc giúp phụ huynh và giáo viên chọn các cuốn sách, bài báo, và các tài liệu khác phù hợp với khả năng đọc riêng của học sinh. Khi một học sinh đọc bài đọc trong khoảng Lexile của mình, học sinh đó nhiều khả năng sẽ hiểu lượng nội dung của bài đọc đủ để nắm được ý nghĩa của bài đọc, đồng thời vẫn được thách thức đủ để duy trì sự hứng thú và học được kiến thức mới.

Để biết thêm thông tin, hãy truy cập: www.Lexile.com

Thước đo Phân vị đại diện cho cả mức thành tích về toán của học sinh và mức độ khó của một kỹ năng hay khái niệm toán. Thước đo Phân vị giúp giáo viên xác định kiến thức toán phù hợp hay nguồn trợ giúp phù hợp với khả năng của học sinh để định hướng cho việc giảng dạy và đáp ứng được nhu cầu của học sinh.

Để biết thêm thông tin, hãy truy cập: www.quantiles.com

H. Điểm bách phân vị tiến bộ của học sinh (SGP)

Tỷ lệ tiến bộ của học sinh đánh giá sự tiến bộ của cá nhân học sinh bằng cách theo dõi điểm số của học sinh từ năm này sang năm kế tiếp. Với phạm vi từ 1 đến 99, con số cao hơn cho biết mức độ tiến bộ cao hơn và con số thấp hơn cho biết mức độ tiến bộ thấp hơn. Ngoài mức thành tích, thông tin này còn được cung cấp nhằm giúp học sinh, các giáo viên và người chăm sóc nắm bắt rõ hơn tình hình học tập của học sinh. Việc xem xét cả SGP và điểm số hiện thời của học sinh giúp có được một bức tranh toàn diện hơn về những gì học sinh đã học từ năm này sang năm kế tiếp.

Tỷ lệ tiến bộ của học sinh so sánh thành tích của một học sinh với thành tích của các học sinh tương đương khác trong cùng tiểu bang. "Học sinh tương đương" là những học sinh trong tiểu bang đã tham gia cùng một kỳ kiểm tra đánh giá như học sinh đó trong năm học trước đó và đã đạt được số điểm tương đương. Tỷ lệ tiến bộ của học sinh cho biết tỷ lệ phần trăm học sinh tương đương mà so với họ học sinh được xét có điểm số ngang bằng hoặc cao hơn.

Trên tường trong phòng mạch của hầu hết các bác sĩ nhi khoa đều có một biểu đồ tăng trưởng chiều cao và cân nặng. Biểu đồ này giúp ta hiểu được một đứa trẻ đang ở mức độ nào so với những đứa trẻ khác. Ví dụ, một đứa trẻ có chiều cao rơi vào bách phân vị thứ 45 là người cao bằng hoặc cao hơn 45% trẻ em ở lứa tuổi này. Điểm bách phân vị tiến bộ của học sinh được diễn giải theo cách tương tự, nhưng đo lường về mức tiến bộ. Thành tích kiểm tra của một học sinh tính bằng điểm số có thể "gần đạt chuẩn", nhưng học sinh đó có thể có mức tiến bộ cao (cải thiện về điểm) so với những "học sinh tương đương" với học sinh đó. Ngược lại, một học sinh có thành tích kiểm tra cao có thể không có tỷ lệ tiến bộ cao nếu, trong quá trình học tập, học sinh đó không thể hiện được mức độ cải thiện về điểm so với những "học sinh tương đương" với học sinh đó.

Tỷ lệ tiến bộ của học sinh là chỉ báo hữu ích để xác định một học sinh có thành tích như thế nào từ năm này sang năm kế tiếp. Ví dụ, nếu tổng điểm môn toán của một học sinh thay đổi so với năm trước, điều này có ý nghĩa hay không? Nếu tỷ lệ tiến bộ của học sinh này là 50%, thì học sinh này cho thấy tỷ lệ tiến bộ chuẩn hoặc trung bình. Tỷ lệ tiến bộ của học sinh là 50% có nghĩa là học sinh này rơi vào bách phân vị thứ 50: 50% học sinh có mức tiến bộ về điểm số thấp hơn trong quá trình học tập, và 50% có mức tiến bộ về điểm số cao hơn hoặc không có tiến bộ nào trong quá trình học tập.

Tỷ lệ tiến bộ của học sinh được tính toán bằng cách sử dụng nhiều dữ liệu nhất có thể. Mức tiến bộ của học sinh được đo lường trên cơ sở so sánh với những học sinh tương đương có điểm số tương tự. Ví dụ, một học sinh có điểm số nằm trong mục "đạt chuẩn" cho môn toán lớp 3 và lớp 4 sẽ có thứ hạng tỷ lệ tiến bộ cho kỳ kiểm tra đánh giá môn toán lớp 5 năm nay được xác định theo mức tiến bộ của học sinh đó so với những học sinh tương đương đã đạt được điểm số tương tự (đạt chuẩn) trong kỳ kiểm tra đánh giá môn toán ở lớp 3 và 4. Nếu học sinh này không có điểm cho môn toán lớp 3, thì tỷ lệ tiến bộ của học sinh đó sẽ được tính toán dựa trên điểm số của một năm bất kỳ trước đó. Nếu đây là năm đầu tiên một học sinh tham gia kỳ kiểm tra đánh giá này, việc tính toán tỷ lệ tiến bộ của học sinh đó sẽ không thể thực hiện được.

Báo cáo Thành tích Cá nhân Học sinh lớp 3 sẽ không bao gồm tỷ lệ tiến bộ của học sinh vì các em đã không tham gia kỳ kiểm tra đánh giá tương tự vào các năm học trước đó.

2.4.3 Thành tích theo Hạng mục yêu cầu phụ




I. Hạng mục yêu cầu phụ

Trong mỗi hạng mục báo cáo về môn ngữ văn Anh/đọc viết là tập hợp kỹ năng cụ thể (hạng mục yêu cầu phụ) mà học sinh thể hiện qua bài kiểm tra đánh giá IAR. Hạng mục yêu cầu phụ sẽ được cung cấp cho môn toán nhưng không được liệt kê dưới hạng mục báo cáo vì chúng dành cho môn ngữ văn Anh/đọc viết. Mỗi hạng mục yêu cầu phụ bao gồm tiêu đề xác định hạng mục yêu cầu phụ, một biểu tượng chú thích cho biết thành tích học tập của học sinh và một nội dung chú thích về việc học sinh đó có đáp ứng mong đợi của hạng mục yêu cầu phụ hay chưa.

J. Chỉ số thành tích yêu cầu phụ

Hạng mục yêu cầu phụ của một học sinh cho biết mức độ thành tích của học sinh đó trong hạng mục yêu cầu phụ. Như với điểm số chung và điểm số hạng mục báo cáo, thước đo trình độ thành thạo của học sinh cho từng hạng mục yêu cầu phụ sẽ được ước tính dựa trên thang điểm đánh giá cơ bản chung. Thành tích trong phạm vi Mức 1 của thang điểm đó được phân loại là “Sẵn sàng mức thấp” thành tích trong phạm vi Mức 2 được phân loại là “Sẵn sàng mức trung bình” và thành tích trong phạm vi Mức 3–4 được phân loại là “Sẵn sàng mức cao.”

Thành tích yêu cầu phụ được báo cáo bằng các hạng mục khác ngoài thang điểm hoặc mức thành tích.

- Sẵn sàng mức cao - biểu thị bằng chữ H 
- Sẵn sàng mức trung bình - biểu thị bằng chữ M 
- Sẵn sàng mức thấp - biểu thị bằng chữ L 

K. Mô tả Biểu đồ Hình ảnh Chỉ số Thành tích Yêu cầu Phụ

Thành tích của học sinh cho từng yêu cầu phụ được đánh dấu bằng chỉ số thành tích yêu cầu phụ.

- **Chữ H** cho yêu cầu phụ vừa nêu cho biết học sinh “thể hiện Sẵn sàng mức cao”, nghĩa là thành tích yêu cầu phụ của học sinh phản ánh mức độ thành thạo tương đương Mức thành tích 3 hoặc 4. Các học sinh trong hạng mục yêu cầu phụ này hầu như đã chuẩn bị kiến thức tốt để tham gia thành công vào các chương trình học tập nâng cao trong lĩnh vực nội dung yêu cầu phụ và có thể cần được giảng dạy thêm.
- **Chữ M** cho yêu cầu phụ vừa nêu cho biết học sinh “thể hiện Sẵn sàng ở mức trung bình”, nghĩa là thành tích yêu cầu phụ của học sinh phản ánh mức độ thành thạo tương đương Mức thành tích 2. Các học sinh trong hạng mục yêu cầu phụ này hầu như cần được hỗ trợ về kiến thức để tham gia thành công vào các chương trình học tập nâng cao trong lĩnh vực nội dung yêu cầu phụ.
- **Chữ L** cho yêu cầu phụ vừa nêu cho biết học sinh “thể hiện Sẵn sàng ở mức thấp”, nghĩa là thành tích yêu cầu phụ của học sinh phản ánh mức độ thành thạo tương đương Mức thành tích 1. Các học sinh trong hạng mục yêu cầu phụ này hầu như đã chuẩn bị tốt kiến thức để tham gia thành công vào các chương trình học tập nâng cao trong lĩnh vực nội dung yêu cầu phụ. Các học sinh này có thể cần được giảng dạy để nâng cao thành tích trong lĩnh vực nội dung yêu cầu phụ.

2.4.4 Thành tích theo Hạng mục Báo cáo

Lưu ý: Môn toán không bao gồm các hạng mục báo cáo. Do đó, sẽ không có các ký hiệu cho L và M trên ISR toán mẫu.

L. Hạng mục Báo cáo

Môn ngữ văn Anh/đọc viết có hai hạng mục báo cáo - Đọc và Viết - thể hiện bằng tiêu đề đậm.

M. Thành tích theo Thang điểm Hạng mục Báo cáo

Đối với Báo cáo Thành tích Cá nhân Học sinh môn ngữ văn Anh/đọc viết, thành tích học sinh cho từng hạng mục báo cáo sẽ được cung cấp dưới dạng thang điểm (tham khảo Phần 2.1.1) trên thang điểm khác nhau từ thang điểm chung. Do đó, tổng số thang điểm cho từng hạng mục báo cáo sẽ không bằng với thang điểm chung. Để tham khảo, phần này bao gồm phạm vi thang điểm cho từng hạng mục báo cáo (ví dụ: 10-90 cho môn Đọc và 10-60 cho môn Viết).

Như với thang điểm chung (hay “tổng kết”), thước đo trình độ thành thạo của học sinh trong từng hạng mục báo cáo sẽ được ước tính dựa trên thang điểm đánh giá cơ bản chung. Đối với môn đọc, tiêu chuẩn thành tích Mức 4 sẽ được thiết lập thành thang điểm 50. Đối với môn viết, tiêu chuẩn thành tích Mức 4 sẽ được thiết lập thành thang điểm 35. Do đó, một học sinh có thể được xem là đạt chuẩn theo yêu cầu khi đạt thang điểm 50 cho môn đọc hoặc thang điểm 35 cho môn viết.

Phụ lục A

Phạm vi Thang điểm

Ngữ văn Anh/Đọc viết Lớp 3			
Ngưỡng điểm Mức 1	650	Phạm vi Mức 1	650-684
Ngưỡng điểm Mức 2	685	Phạm vi Mức 2	685-734
Ngưỡng điểm Mức 3	735	Phạm vi Mức 3	735-779
Ngưỡng điểm Mức 4	780	Phạm vi Mức 4	780-850

Ngữ văn Anh/Đọc viết Lớp 4			
Ngưỡng điểm Mức 1	650	Phạm vi Mức 1	650-694
Ngưỡng điểm Mức 2	695	Phạm vi Mức 2	695-736
Ngưỡng điểm Mức 3	737	Phạm vi Mức 3	737-779
Ngưỡng điểm Mức 4	780	Phạm vi Mức 4	780-850

Ngữ văn Anh/Đọc viết Lớp 5			
Ngưỡng điểm Mức 1	650	Phạm vi Mức 1	650-699
Ngưỡng điểm Mức 2	700	Phạm vi Mức 2	700-738
Ngưỡng điểm Mức 3	739	Phạm vi Mức 3	739-779
Ngưỡng điểm Mức 4	780	Phạm vi Mức 4	780-850

Ngữ văn Anh/Đọc viết Lớp 6			
Ngưỡng điểm Mức 1	650	Phạm vi Mức 1	650-704
Ngưỡng điểm Mức 2	705	Phạm vi Mức 2	705-740
Ngưỡng điểm Mức 3	741	Phạm vi Mức 3	741-779
Ngưỡng điểm Mức 4	780	Phạm vi Mức 4	780-850

Ngữ văn Anh/Đọc viết Lớp 7			
Ngưỡng điểm Mức 1	650	Phạm vi Mức 1	650-709
Ngưỡng điểm Mức 2	710	Phạm vi Mức 2	710-742
Ngưỡng điểm Mức 3	743	Phạm vi Mức 3	743-784
Ngưỡng điểm Mức 4	785	Phạm vi Mức 4	785-850

Ngữ văn Anh/Đọc viết Lớp 8			
Ngưỡng điểm Mức 1	650	Phạm vi Mức 1	650-709
Ngưỡng điểm Mức 2	710	Phạm vi Mức 2	710-744
Ngưỡng điểm Mức 3	745	Phạm vi Mức 3	745-794
Ngưỡng điểm Mức 4	795	Phạm vi Mức 4	795-850

Toán Lớp 3			
Ngưỡng điểm Mức 1	650	Phạm vi Mức 1	650-704
Ngưỡng điểm Mức 2	705	Phạm vi Mức 2	705-731
Ngưỡng điểm Mức 3	732	Phạm vi Mức 3	732-780
Ngưỡng điểm Mức 4	781	Phạm vi Mức 4	781-850

Toán Lớp 4			
Ngưỡng điểm Mức 1	650	Phạm vi Mức 1	650-707
Ngưỡng điểm Mức 2	708	Phạm vi Mức 2	708-739
Ngưỡng điểm Mức 3	740	Phạm vi Mức 3	740-783
Ngưỡng điểm Mức 4	784	Phạm vi Mức 4	784-850

Toán Lớp 5			
Ngưỡng điểm Mức 1	650	Phạm vi Mức 1	650-708
Ngưỡng điểm Mức 2	709	Phạm vi Mức 2	709-739
Ngưỡng điểm Mức 3	740	Phạm vi Mức 3	740-781
Ngưỡng điểm Mức 4	782	Phạm vi Mức 4	782-850

Toán Lớp 6			
Ngưỡng điểm Mức 1	650	Phạm vi Mức 1	650-704
Ngưỡng điểm Mức 2	705	Phạm vi Mức 2	705-741
Ngưỡng điểm Mức 3	742	Phạm vi Mức 3	742-772
Ngưỡng điểm Mức 4	773	Phạm vi Mức 4	773-850

Toán Lớp 7			
Ngưỡng điểm Mức 1	650	Phạm vi Mức 1	650-711
Ngưỡng điểm Mức 2	712	Phạm vi Mức 2	712-744
Ngưỡng điểm Mức 3	745	Phạm vi Mức 3	745-780
Ngưỡng điểm Mức 4	781	Phạm vi Mức 4	781-850

Toán Lớp 8			
Ngưỡng điểm Mức 1	650	Phạm vi Mức 1	650-704
Ngưỡng điểm Mức 2	705	Phạm vi Mức 2	705-744
Ngưỡng điểm Mức 3	745	Phạm vi Mức 3	745-790
Ngưỡng điểm Mức 4	791	Phạm vi Mức 4	791-850